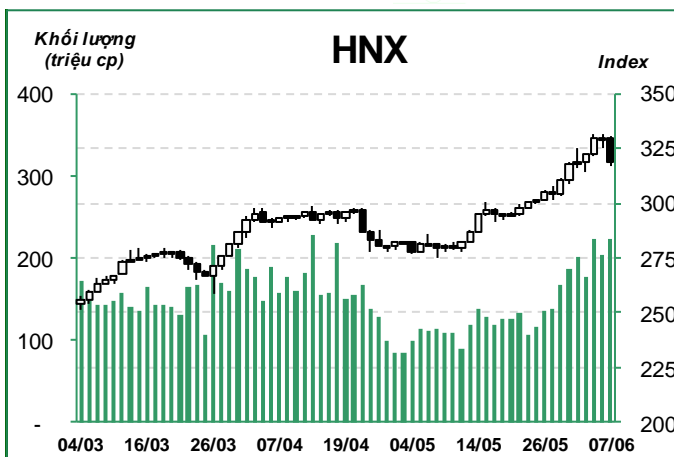
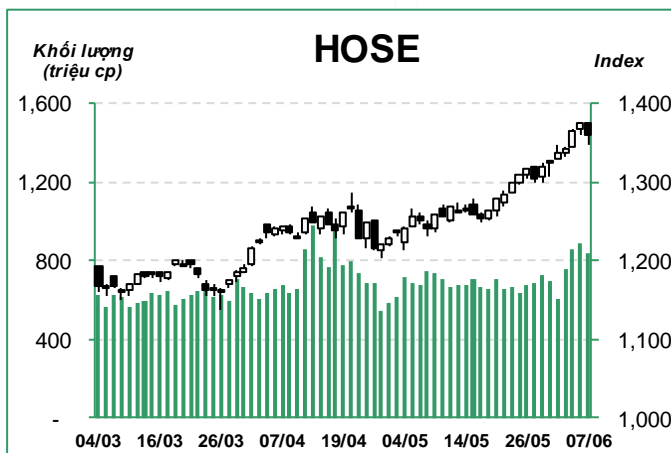


## a Tổng quan thị trường

07/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,358.78</b>	<b>-1.11%</b>	<b>1,484.10</b>	<b>-1.61%</b>	<b>318.63</b>	<b>-3.38%</b>
Cuối tuần trước	1,374.05	-1.11%	1,508.35	-1.61%	329.76	-3.38%
Trung bình 20 ngày	1,309.02	3.80%	1,436.37	3.32%	307.82	3.51%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>876.69</b>	<b>-7.06%</b>	<b>314.32</b>	<b>-8.75%</b>	<b>227.48</b>	<b>8.82%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>840.12</b>	<b>-5.36%</b>	<b>309.81</b>	<b>-7.93%</b>	<b>224.09</b>	<b>10.35%</b>
Trung bình 20 ngày	711.30	18.11%	272.00	13.90%	156.02	43.63%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>28,922.37</b>	<b>-7.62%</b>	<b>16,227.21</b>	<b>-10.42%</b>	<b>5,559.80</b>	<b>17.16%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>27,538.52</b>	<b>-5.63%</b>	<b>15,934.23</b>	<b>-9.00%</b>	<b>5,459.46</b>	<b>17.53%</b>
Trung bình 20 ngày	22,562.42	22.05%	13,370.91	19.17%	3,552.14	53.69%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	157	34%	8	27%	102	28%
<b>Số mã giảm</b>	265	58%	21	70%	119	32%
<b>Số mã đứng giá</b>	37	8%	1	3%	146	40%



Thị trường rơi vào tình trạng lao dốc mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần khi các nhóm ngành dẫn dắt đà tăng điểm cho các chỉ số trong giai đoạn trước đó như ngân hàng và chứng khoán bắt đầu bị bán chốt lời hàng loạt. VN-Index đã có lúc giảm sâu tới gần 30 điểm nhưng lực cầu bắt đáy nhập cuộc trong phiên chiều đã phần nào giúp thu hẹp mức giảm của các chỉ số. Bên cạnh đó, với việc vẫn có nhiều nhóm ngành tăng điểm khả quan, đặc biệt là nhóm Vingroup, tín hiệu giảm điểm hôm nay vẫn chưa đáng lo ngại và thị trường vẫn có cơ hội để tiếp tục đi lên trong thời gian tới.

Trên sàn HoSE, VN-Index có phiên giảm mạnh và lấy đi toàn bộ số điểm tăng trong phiên ngày thứ 6 trước đó. Chỉ số đóng cửa tại mức 1,358.78 điểm (-1.11%). KLGĐ khớp lệnh đạt 840.1 triệu cổ phiếu (-5.4%), tương đương 27,539 tỷ đồng giá trị (-5.6%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 265 mã giảm/157 mã tăng.

Ngoại trừ VPBank-VPB (+0.4%) đóng cửa trên tham chiếu, các cổ phiếu còn lại trong nhóm ngân hàng đều đồng loạt giảm sâu dù đã có lực cầu bắt đáy mạnh trong phiên chiều. Trong đó, BIDV-BID (-4.5%), Techcombank-TCB (-4.0%), Vietinbank-CTG (-3.7%) gây áp lực lớn nhất cho chỉ số. Bên cạnh đó, nhóm thép và chứng khoán cũng là những nhóm ngành có tín hiệu điều chỉnh đáng kể. Ở chiều ngược lại, nhóm Vingroup đóng vai trò là trụ đỡ chính cho thị trường khi bộ ba Vingroup-VIC (+1.7%), Vinhomes-VHM (+1.4%), Vincom Retail-VRE (+3.6%) đồng loạt tăng tốt. Ngoài ra, một số nhóm ngành khác cũng có tín hiệu khởi sắc trong phiên hôm nay như cao su, dầu khí, bảo hiểm, thủy sản, dệt may.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh 650.3 tỷ đồng (-57.0%) trên sàn HoSE trong phiên đầu tuần. Trong đó, Hòa Phát-HPG (-526.8 tỷ), Vingroup-VIC (-225.1 tỷ), VPBank-VPB (-123.3 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Ngược lại, Vincom Retail-VRE (+156.7 tỷ) có phiên thứ 2 liên tiếp dẫn đầu danh

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
GEX	5,294.0	124.15
EIB	2,511.0	81.48
TCB	1,100.0	64.24
AGG	1,316.0	62.45
KDC	919.5	54.25
SHI	1,859.0	52.34
FPT	558.6	50.61
DBD	1,064.3	48.96
LPB	1,480.0	46.26
VCG	940.0	44.55
<b>HNX</b>		
IDC	1,770.0	63.22
PAN	900.0	26.10
VC3	191.0	3.84
DPC	142.9	2.86
SHN	277.8	2.17
VND	20.0	1.16
TNG	20.0	0.42
NVB	14.1	0.32
KLF	50.1	0.24

sách mua ròng của khối ngoại cùng với một số cổ phiếu khác như Novaland-NVL (+94.6 tỷ), NH Phương Đông-OCB (+82.4 tỷ) hay Petrolimex-PLX (+74.5 tỷ).

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index có phiên giảm điểm mạnh nhất kể từ cuối tháng 1/2021 và đóng cửa tại mức 318.63 điểm (-3.38%). Áp lực bán ồ ạt khiến thanh khoản thị trường tăng lên mức cao với KLGD khớp lệnh đạt 224.1 triệu cổ phiếu (+10.3%), tương đương 5,459.5 tỷ đồng giá trị (+17.5%).

Lực bán tập trung phần lớn nhóm cổ phiếu ngân hàng với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-7.7%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (-6.6%) và nhóm chứng khoán với Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-9.2%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-5.6%) hay Chứng khoán MB-MBS (-9.0%). Trong khi đó, sàn HNX vẫn còn nhiều cổ phiếu trụ hút tiền khá tích cực như Idico-IDC (+2.9%), Tập đoàn PAN-PAN (+5.2%), Nhựa Tiên Phong-NTP (+3.2%) hay Tập đoàn CEO-CEO (+4.6%).

Khối ngoại duy trì áp lực bán ròng mạnh trên sàn HNX khi bán 43.8 tỷ đồng (-2.6%) trong phiên hôm nay. Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất lần lượt là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-17.2 tỷ), Chứng khoán VNDIRECT-VND (-14.0 tỷ), Điện Toàn Cầu-GLT (-5.6 tỷ). Trái lại, một số cổ phiếu được mua ròng chủ yếu như Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+3.5 tỷ), Khí Miền Bắc-PVG (+1.0 tỷ), Tập đoàn CEO-CEO (+0.8 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA 5, 10, 20 giữ trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng tăng vẫn tiếp diễn, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính bền vững hơn. Thêm vào đó, chỉ báo MACD nằm trên Signal duy trì tín hiệu mua và đường +DI nằm trên -DI cho thấy đà tăng đang chi phối, chỉ số có thể sớm đi lên trở lại và hướng lên thử thách ngưỡng tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tiêu cực hơn, khi chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Mặc dù chỉ số giữ được mức đóng cửa trên MA20 và đường MA này hướng lên, cho thấy xu hướng chính vẫn là tăng, nhưng khi quan sát kĩ cây nến giảm cô đặc của phiên vừa qua sau một nền Doji trước đó cùng với khối lượng tăng cao, khiến rủi ro đảo chiều ngắn hạn tăng lên và vùng hỗ trợ quanh 300 – 305 điểm (MA20) đang đóng vai trò hỗ trợ xu hướng. Nhìn chung, thị trường duy trì xu hướng tăng, phiên giảm điểm 7/6 có thể mang tính rũ bỏ kỹ thuật. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng nhịp rung lắc này để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DBT	16.1	29.8	7.0%
SFC	26.2	0.1	6.9%
DPR	57.2	385.7	6.9%
SAV	26.3	12.1	6.9%
VMD	31.8	4.9	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CMV	14.0	0.1	-7.0%
RAL	213.0	97.1	-7.0%
CTS	22.4	3,206.9	-6.9%
COM	42.9	0.3	-6.8%
FUCVREIT	13.0	21.1	-6.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	72.0	3,246.3	0.4%
HPG	52.7	1,865.5	-3.3%
MBB	39.8	1,265.8	-4.3%
STB	30.7	1,209.4	-4.5%
TCB	52.4	1,138.8	-4.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	72.0	46,024.2	0.4%
STB	30.7	39,030.7	-4.5%
HPG	52.7	35,006.3	-3.3%
FLC	13.5	31,796.8	-5.9%
MBB	39.8	31,696.5	-4.3%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
GMX	33.0	17.4	10.0%
SRA	8.8	726.7	10.0%
THT	10.0	340.6	9.9%
APP	8.9	53.6	9.9%
KKC	19.0	461.5	9.8%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
APS	14.4	3,773.9	-10.0%
ALT	11.7	0.5	-10.0%
DNC	53.1	0.3	-10.0%
PPY	14.4	0.1	-10.0%
ART	10.8	8,198.3	-10.0%

#### Top 5 giá trị

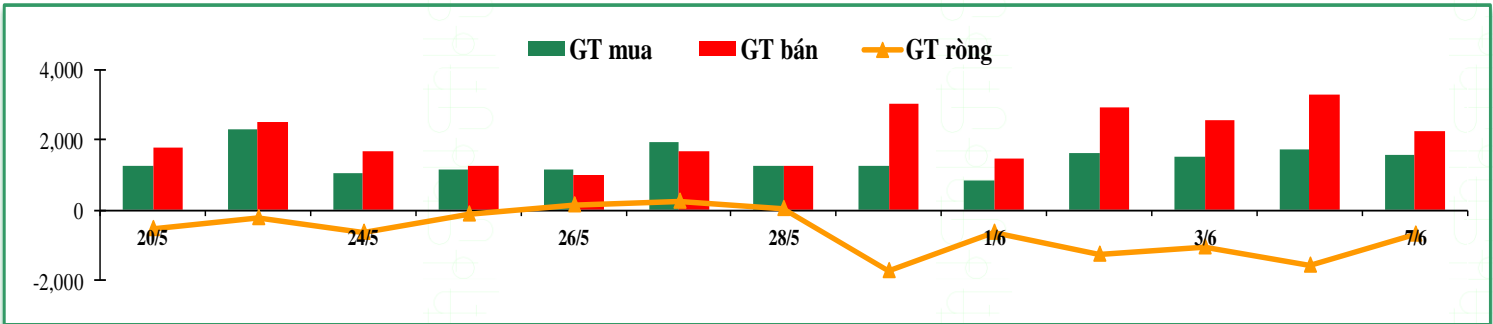
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	30.0	1,118.4	-7.7%
SHS	37.5	794.1	-9.2%
PVS	30.0	738.9	1.0%
VND	57.0	496.6	-5.6%
IDC	39.4	386.3	2.9%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	30.0	36,065.6	-7.7%
PVS	30.0	24,365.2	1.0%
SHS	37.5	20,595.0	-9.2%
HUT	7.5	13,775.5	4.2%
IDC	39.4	9,972.6	2.9%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,536.0	5.3%	2,186.3	7.6%	-650.3
HNX	43.3	0.8%	87.2	1.6%	-43.8
<b>Tổng số</b>	<b>1,579.4</b>		<b>2,273.5</b>		<b>-694.1</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	33.4	169.6	3.6%
NVL	138.6	154.6	-0.9%
VHM	106.0	95.9	1.4%
PLX	56.6	85.7	-1.0%
OCB	31.8	84.0	-1.7%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	52.7	567.3	-3.3%
VIC	123.0	238.5	1.7%
VPB	72.0	138.1	0.4%
SSI	47.2	109.1	-3.3%
MBB	39.8	107.2	-4.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VRE	33.4	156.7	3.6%
NVL	138.6	94.6	-0.9%
OCB	31.8	82.4	-1.7%
PLX	56.6	74.5	-1.0%
VHM	106.0	46.4	1.4%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	30.0	20.7	1.0%
VND	57.0	5.4	-5.6%
SHS	37.5	3.9	-9.2%
SHB	30.0	2.8	-7.7%
PAN	28.4	1.6	5.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	30.0	25.8	1.0%
SHB	30.0	20.0	-7.7%
VND	57.0	19.4	-5.6%
PAN	28.4	6.4	5.2%
GLT	27.9	5.6	7.7%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	37.5	3.5	-9.2%
PVG	10.2	1.0	4.1%
CEO	11.3	0.8	4.6%
PTS	9.3	0.6	4.5%
TIG	15.1	0.6	1.3%

## Tin trong nước

### **Tăng trưởng GDP 6 tháng dự báo khoảng 5,8%**

Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm, do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch & Đầu tư Nguyễn Chí Dũng trình bày trong phiên họp Chính phủ thường kỳ vừa qua, cho thấy công tác điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Về vĩ mô, báo cáo của MPI cho biết thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, tín dụng phục hồi, mặt bằng lãi suất cho vay giảm và thanh khoản của hệ thống các tổ chức tín dụng được bảo đảm.

Thu ngân sách nhà nước 6 tháng ước đạt 55,5% dự toán, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2020, xấp xỉ so với mức thực hiện cùng kỳ năm 2019. Chi ngân sách nhà nước ước đạt 43% dự toán; giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm ước đạt 34,15% kế hoạch (cùng kỳ đạt 34,85%).

Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp tăng trưởng 3% và khoảng 7,8%. Sản lượng sản phẩm các ngành dệt may, gia dầy, ô tô có mức tăng tốt.

Bộ Kế hoạch & Đầu tư dự báo tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm đạt khoảng 5,8%, thấp hơn 1,31 điểm phần trăm so với mục tiêu kịch bản là 7,11% đề ra tại Nghị quyết số 01/2021 của Chính phủ.

### **Sản xuất công nghiệp vẫn tăng dù dịch Covid-19 diễn biến phức tạp**

Tổng cục Thống kê cho biết sản xuất công nghiệp tháng 5 ước tăng 1,6% so với tháng trước và tăng gần 12% so với cùng kỳ năm ngoài dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 diễn biến phức tạp từ cuối tháng 4 và ảnh hưởng trực tiếp đến một số khu công nghiệp tại tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng của sản xuất công nghiệp tháng 5 cũng đã chậm lại và bằng một nửa so với tốc độ tăng hơn 22% của tháng 4.

Tính chung 5 tháng, sản xuất công nghiệp tăng gần 10% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng gần 13%, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,3%, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,5%. Riêng ngành khai khoáng giảm 7%.

Cũng theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tính đến 1/5 tăng hơn 1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng hơn 2% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,2%, doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 1% và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng gần 2%.

Nguồn: NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Novaland xin ý kiến cổ đông phát hành cổ phiếu thường 29% và chia cổ tức 31% bằng cổ phiếu**

CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland, HoSE: NVL) vừa công bố xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc tiếp tục phát hành cổ phiếu thường lần thứ 2 trong năm nay và chia cổ tức bằng cổ phiếu. Tỷ lệ tối đa phát hành cổ phiếu thường là 29% và chia cổ tức là 31%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách lấy ý kiến cổ đông vào 29/6.

10/6 là ngày đăng ký cuối cùng và 9/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền phát hành cổ phiếu thường đã được công bố trước đó. Theo đó, Novaland sẽ chia thưởng bằng cổ phiếu, tỷ lệ 35,68%, mục tiêu nâng vốn điều lệ lên 14.676 tỷ đồng.

Năm nay, Novaland đặt kế hoạch doanh thu hơn 27.000 tỷ đồng còn lợi nhuận sau thuế khoảng 4.100 tỷ đồng.

### **Sản lượng Hòa Phát giảm tháng thứ 2 liên tiếp**

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) thông tin sản lượng bán hàng tháng 5 đạt 695.000 tấn thép các loại, tăng 90% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 20% so với tháng trước. Trong đó, thép xây dựng thành phẩm bao gồm cả xuất khẩu là 324.000 tấn, tăng hơn 25% so với cùng kỳ và giảm 24% so với tháng trước. Thép cuộn cán nóng (HRC) đạt 225.000 tấn, tăng nhẹ.

Lũy kế 5 tháng, tập đoàn đã sản xuất gần 3,4 triệu tấn thép thô, tăng 56,5% so với cùng kỳ. Sản lượng bán hàng các sản phẩm thép là 3,7 triệu tấn, tăng gần 70% so với cùng kỳ. Trong đó, thép xây dựng đạt 1,6 triệu tấn, tăng 27,5%.

Mục tiêu sản lượng của Hòa Phát với các sản phẩm thép trong năm 2021 là 5 triệu tấn thép xây dựng thành phẩm và phôi thép; 2,7 triệu tấn HRC, 920.000 tấn ống thép và trên 300.000 tấn tôn mạ các loại.

### **Doanh thu Dệt may TNG tháng 5 đạt 469 tỷ đồng, tăng 31%**

Đầu tư Thương mại TNG (HNX: TNG) thông báo doanh thu tiêu thụ tháng 5 đạt 468,5 tỷ đồng, vượt 4% kế hoạch tháng và tăng 31% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó doanh thu xuất khẩu đóng góp lớn nhất với tỷ trọng 98,2%.

Lũy kế 5 tháng, tổng doanh thu tiêu thụ toàn công ty đạt 1.742,4 tỷ đồng, tăng thêm 423,4 tỷ đồng tương đương với mức tăng 32% so với cùng kỳ năm 2020.

Doanh thu của công ty dệt may liên tục cải thiện trong các tháng gần đây. Tháng 4, doanh nghiệp báo cáo doanh thu đạt 362 tỷ đồng, tăng 89%. Còn quý I, doanh thu đạt 911 tỷ đồng, tăng 18%.

Song, lợi nhuận sau thuế quý I ghi nhận giảm 34,5% xuống 22 tỷ đồng do biên lãi gộp giảm và chi phí tài chính tăng. Doanh nghiệp dệt may lý giải doanh thu quý I tăng nhờ đơn hàng sản xuất quý IV/2020 xuất vào quý I năm nay. Do ảnh hưởng của dịch bệnh các đơn hàng mới ký với khách hàng trong quý I có số lượng sản phẩm nhiều hơn nhưng đơn giá thấp hơn từ 5-10% khiến lợi nhuận giảm.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Chốt lời	08/06/21	82.7	70	18.1%	93.5	33.6%	67.65	-3.4%	Cổ phiếu suy yếu
2	STB	Chốt lời	08/06/21	30.7	24.1	27.4%	34.3	42.3%	22.9	-5.0%	Tín hiệu suy yếu
3	BVS	Chốt lời	08/06/21	27.9	22.8	22.4%	34.4	50.9%	21.3	-6.6%	Áp lực điều chỉnh trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VNM	Quan sát mua	08/06/21	89.4	100-102	Tín hiệu test đáy tích cực với nền nhỏ, vol thấp + có nền rút chân kéo MACD Histogram tăng trở lại -> có cơ hội test đáy thành công, cần một nền tăng > 90.8 để xác nhận
2	SAB	Quan sát mua	08/06/21	155.1	175-180	Tín hiệu test đáy tích cực với nền nhỏ, vol thấp + có nền tăng kéo MACD Histogram tăng trở lại -> có cơ hội test đáy thành công, cần một nền tăng > 158 để xác nhận
3	LHG	Quan sát mua	08/06/21	39.9	45-46	Nhịp điều chỉnh về lại nền cũ 38-40 khá tốt với nền, vol nhỏ dần -> có cơ hội giữ được vùng này và quay lại xu hướng tăng

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Mua	28/04/21	53.5	49.9	7.2%	55	10.2%	47	-6%	
2	SSI	Nắm giữ	13/05/21	47.15	34.8	35.5%	52.2	50.0%	33.5	-4%	
3	PVS	Nắm giữ	19/05/21	30	21.8	37.6%	31.3	44%	20.5	-6%	
4	VHM	Mua	20/05/21	106	100.4	5.6%	110	10%	96.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	HDG	Mua	24/05/21	45.7	41.95	8.9%	47.6	13%	40.3	-4%	
6	DRC	Mua	03/06/21	27.3	26.55	2.8%	32.6	23%	25.2	-5%	Điều chỉnh giá do trả cổ tức bằng tiền 10%
7	BVH	Mua	04/06/21	58.5	54.9	6.6%	63	15%	53	-3%	
8	PAN	Mua	07/06/21	28.4	27	5.2%	31	15%	25.4	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 07/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,200	-4.1%	257%	13,700	15	82,700	7,615	(1,585)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,600	-6.1%	207%	14,290	28	82,700	1,601	(2,999)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,710	-4.9%	271%	2,550	107	34,650	1,009	(2,701)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	46,000	-4.8%	707%	1,460	23	52,700	38,193	(7,807)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,600	-9.4%	719%	9,750	107	52,700	2,194	(6,406)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	30,500	-9.0%	362%	9,230	28	52,700	16,811	(13,689)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	15,400	-5.5%	295%	7,590	29	52,700	7,181	(8,219)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	9,890	-3.0%	559%	7,430	28	52,700	3,624	(6,266)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,890	-4.3%	463%	29,740	63	52,700	7,237	(9,653)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,590	-0.4%	256%	12,160	81	52,700	2,187	(12,403)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	6,300	-6.8%	385%	12,830	66	52,700	10	(6,290)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	6,210	-6.8%	418%	23,920	66	52,700	10	(6,200)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,900	-2.3%	144%	9,310	70	38,800	2,895	(1,005)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,980	-0.7%	198%	6,530	107	38,800	1,146	(1,834)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,950	-2.9%	113%	4,530	67	38,800	3,911	(2,039)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	23,000	-9.8%	400%	3,250	7	39,750	23,757	757	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	7,490	-8.7%	368%	34,270	29	39,750	6,897	(593)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,530	-7.6%	194%	9,860	66	39,750	542	(2,988)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,940	-1.3%	180%	3,950	107	104,500	370	(2,570)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,650	-3.6%	165%	3,450	107	104,500	111	(2,539)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,100	-1.6%	103%	3,640	67	104,500	2,809	(3,291)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	24,040	1.4%	100%	1,520	23	136,100	20,115	(3,925)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	2,850	-3.4%	68%	34,050	3	136,100	2,812	(38)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	2,600	-10.7%	8%	5,450	29	136,100	1,930	(670)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,020	-5.9%	101%	6,470	56	136,100	3,300	(2,720)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	1,800	-12.2%	-5%	12,080	28	136,100	782	(1,018)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,900	-1.1%	271%	1,460	(77)	136,100	(321)	(9,221)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,400	-4.4%	49%	7,480	81	136,100	850	(3,550)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,700	-0.7%	670%	54,760	4	138,600	7,539	(161)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	5,290	-1.7%	429%	27,650	107	138,600	3,866	(1,424)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,410	-1.5%	210%	9,050	112	138,600	746	(2,664)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,120	-0.2%	275%	33,890	81	83,300	192	(3,928)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,640	0.4%	322%	13,400	112	83,300	375	(4,265)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,450	-7.9%	44%	7,720	29	99,600	2,195	(255)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,360	-0.9%	168%	1,460	56	99,600	3,973	(1,387)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,550	-1.1%	57%	6,970	11	99,600	4,170	(380)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,610	-6.8%	13%	8,690	29	55,800	1,970	(640)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,590	-3.4%	135%	7,420	107	20,900	23	(2,567)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	9,400	-5.9%	755%	32,280	4	30,700	9,352	(48)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	18,490	-8.0%	387%	2,690	7	30,700	18,705	215	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	6,610	-6.6%	561%	10,060	107	30,700	4,421	(2,189)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,600	-7.5%	443%	25,080	63	30,700	6,383	(1,217)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	11,000	-7.6%	175%	5,740	81	30,700	7,909	(3,091)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	31,450	-1.8%	482%	4,590	53	52,400	30,468	(982)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,000	-4.0%	380%	8,990	120	52,400	21,618	(2,382)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,800	-6.7%	283%	23,140	29	52,400	8,231	(569)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,600	-5.0%	231%	23,130	63	52,400	8,516	(1,084)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,220	-6.4%	261%	8,030	81	52,400	3,437	(3,783)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,320	0.9%	45%	15,740	70	22,600	72	(2,248)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,900	0.7%	190%	1,330	107	22,600	119	(2,781)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	3,120	0.3%	13%	7,490	67	22,600	49	(3,071)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,870	-1.1%	56%	12,850	66	22,600	0	(1,870)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,640	2.5%	17%	46,450	4	106,000	1,713	73	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,450	-1.4%	214%	1,260	107	106,000	242	(3,208)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,850	-2.4%	50%	25,840	29	106,000	1,915	(935)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,220	-2.4%	101%	23,250	63	106,000	853	(2,367)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,760	-6.0%	151%	9,770	67	106,000	404	(3,356)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,470	-0.9%	167%	13,350	66	106,000	7	(3,463)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,750	20.7%	17%	33,470	4	123,000	1,616	(134)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	3,400	10.0%	240%	18,710	107	123,000	156	(3,244)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,540	15.5%	131%	11,690	112	123,000	0	(2,540)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2006	1,000	90	12.5%	-91%	83,620	4	111,800	36	(54)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	40	-50.0%	-96%	96,390	4	89,400	0	(40)	KIS	VNM	133,333	16.1	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,100	-2.3%	91%	3,460	107	89,400	0	(2,100)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	820	-11.8%	-52%	8,410	29	89,400	(0)	(820)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2103	1,700	350	-22.2%	-79%	10,660	11	89,400	(0)	(350)	MBS	VNM	104,000	9.9	18/06/2021
CVNM2104	1,480	2,910	-1.4%	97%	7,530	98	89,400	8	(2,902)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,790	-1.1%	63%	17,810	112	89,400	0	(1,790)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	45,800	0.7%	718%	570	53	72,000	46,081	281	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	17,000	0.0%	486%	2,790	29	72,000	17,532	532	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	17,700	0.1%	556%	29,350	63	72,000	17,818	118	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,750	-2.2%	250%	8,210	81	72,000	7,744	(1,006)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	380	15.2%	-75%	33,550	4	33,350	367	(13)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	7,090	7.4%	42%	21,560	53	33,350	5,936	(1,154)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,800	1.8%	133%	5,590	107	33,350	243	(2,557)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,770	7.3%	-2%	27,600	29	33,350	850	(920)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,670	2.3%	105%	8,560	63	33,350	435	(2,235)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,690	5.4%	23%	6,420	67	33,350	267	(3,423)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
AAA	(New)	HOSE	16,000	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
KDH	(New)	HOSE	38,800	42,300	31/05/2021	1,147	2,157	17,973	14%	8%	19.6	2.4	-
NLG	(New)	HOSE	38,600	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	(New)	HOSE	33,350	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM	(New)	HOSE	106,000	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	56,900	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	31,400	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	39,100	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	35,850	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	55,800	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
GMD		HOSE	40,000	54,600	28/05/2021	541	1,794	22,180	9%	6%	12.8	1.0	0%
ANV		HOSE	28,350	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

VHC		HOSE	42,150	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	35,300	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	40,200	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	75,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	94,100	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	25,900	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	116,900	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	99,600	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	136,100	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	155,100	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	104,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	89,400	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	86,800	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	36,500	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	138,600	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	41,300	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	103,000	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	43,000	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	52,400	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,050	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	57,300	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	61,300	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
HPG		HOSE	52,700	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT		HOSE	82,700	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	21,000	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	39,900	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	69,500	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	56,600	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	20,900	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	39,900	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	90,700	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	55,000	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	23,600	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

GIL		HOSE	57,600	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	20,300	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	19,300	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	39,900	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	86,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,900	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.